

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2013/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH**Về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo,
phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quyết định này quy định chi tiết việc cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Quyết định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Cải tạo, phục hồi môi trường trong các hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí, nước khoáng và nước nóng thiên nhiên không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản là hoạt động đưa môi trường, hệ sinh thái (đất, nước, không khí, cảnh quan thiên nhiên, thảm thực vật,...) tại khu vực khai thác khoáng sản và các khu vực bị ảnh hưởng do hoạt động khai thác khoáng sản về trạng thái môi trường gần với trạng thái môi trường ban

đầu hoặc đạt được các tiêu chuẩn, quy chuẩn về an toàn, môi trường và phục vụ các mục đích có lợi cho con người.

2. Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản là việc tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản nộp một khoản tiền vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam hoặc Quỹ bảo vệ môi trường của địa phương nơi khai thác khoáng sản (sau đây gọi chung là Quỹ bảo vệ môi trường) để đảm bảo công tác cải tạo, phục hồi môi trường.

3. Đề án cải tạo, phục hồi môi trường do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản lập nhằm xác định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với khai thác khoáng sản trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (sau đây viết tắt là Đề án).

4. Khu vực khai thác liên mỏ là khu vực có từ 02 (hai) mỏ khai thác trở lên nằm kề nhau và có ảnh hưởng, tác động lẫn nhau.

Chương II

CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Điều 3. Yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường

1. Đảm bảo đưa môi trường, hệ sinh thái tại khu vực khai thác khoáng sản và khu vực bị ảnh hưởng của hoạt động khai thác về trạng thái môi trường gần với trạng thái môi trường ban đầu hoặc đạt được các tiêu chuẩn, quy chuẩn về an toàn và môi trường, đảm bảo an toàn và phục vụ các mục đích có lợi cho con người theo quy định cụ thể tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch khai thác khoáng sản; quy hoạch sử dụng đất và bảo vệ môi trường của địa phương.

3. Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường ngay trong quá trình khai thác khoáng sản.

4. Phù hợp với phương án cải tạo, phục hồi môi trường do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) ban hành đối với các dự án khai thác khoáng sản nằm trong khu vực khai thác liên mỏ.

5. Đối với cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản độc hại có chứa chất phóng xạ ngoài việc thực hiện theo Quyết định này còn phải thực hiện quy định của Luật Năng lượng nguyên tử và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Đối tượng lập Đề án và Đề án bổ sung

1. Mọi tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản phải lập Đề án trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Cụ thể gồm các đối tượng sau:

- a) Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.
- b) Tổ chức, cá nhân đang khai thác khoáng sản nhưng chưa có Dự án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt theo quy định hoặc chưa ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường.

2. Các đối tượng sau phải lập Đề án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung (sau đây viết tắt là Đề án bổ sung):

- a) Tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản về diện tích, độ sâu, công suất khai thác.
- b) Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản.
- c) Tổ chức, cá nhân đề nghị thay đổi phương án cải tạo, phục hồi môi trường so với Đề án đã được phê duyệt.

3. Các trường hợp sau không phải lập Đề án:

- a) Tổ chức, cá nhân đang khai thác khoáng sản đã có Dự án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt và đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo đúng quy định.
- b) Tổ chức, cá nhân khai thác vật liệu xây dựng thông thường theo quy định tại khoản 2 Điều 64 của Luật Khoáng sản.

Điều 5. Quy trình lập, trình Đề án và Đề án bổ sung

1. Thời điểm lập, trình thẩm định Đề án và Đề án bổ sung được quy định như sau:

- a) Tổ chức, cá nhân quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 của Quyết định này lập Đề án, trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định cùng với thời điểm trình thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường theo quy định.
- b) Tổ chức, cá nhân quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 của Quyết định này ngoài việc bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật, trong thời hạn không quá 02 (hai) năm kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành phải lập Đề án, trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.
- c) Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 4 của Quyết định này phải lập, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt Đề án bổ sung trước khi tiến hành khai thác khoáng sản hoặc được cấp phép thay đổi diện tích, độ sâu, công suất khai thác, gia hạn khai thác khoáng sản hoặc thay đổi phương án cải tạo, phục hồi môi trường so với Đề án đã được phê duyệt.

2. Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt Đề án hoặc Đề án bổ sung được quy định như sau:

- a) Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt Đề án gồm:
 - Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt Đề án;

- 09 (chín) bản thuyết minh Đề án kèm theo các bản vẽ liên quan;
 - Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc Đề án bảo vệ môi trường kèm theo bản sao Quyết định phê duyệt hoặc giấy xác nhận (nếu có);
 - Dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư, bản sao Giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có).
- b) Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt Đề án bổ sung gồm:
- Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt Đề án bổ sung;
 - 09 (chín) bản thuyết minh Đề án bổ sung kèm theo các bản vẽ liên quan;
 - Đề án, Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc Đề án bảo vệ môi trường kèm theo bản sao Quyết định phê duyệt hoặc giấy xác nhận;
 - Dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo bản sao Quyết định phê duyệt dự án đầu tư, bản sao Giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có).

3. Nội dung Đề án và Đề án bổ sung được quy định như sau:

- a) Nội dung của Đề án gồm:
- Thông tin chung về dự án khai thác khoáng sản và căn cứ pháp lý xây dựng Đề án;
 - Quy trình khai thác; đặc điểm địa hình, địa mạo; trữ lượng của mỏ; các hạng mục công trình đầu tư khai thác khoáng sản; hiện trạng môi trường, hệ sinh thái tại khu vực khai thác khoáng sản và khu vực xung quanh;
 - Xây dựng và lựa chọn phương án cải tạo, phục hồi môi trường;
 - Xây dựng, lập danh mục và tính toán khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã lựa chọn;
 - Xây dựng kế hoạch thực hiện và chương trình giám sát trong thời gian cải tạo, phục hồi môi trường; chương trình kiểm tra, xác nhận hoàn thành công tác cải tạo, phục hồi môi trường;
 - Kế hoạch duy tu bảo trì các công trình cải tạo, phục hồi môi trường;
 - Khoản tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ;
 - Dự tính kinh phí đủ để tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường tại thời điểm thực hiện từng hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã lựa chọn;
 - Cam kết các chỉ tiêu về chất lượng môi trường, hệ sinh thái và chất lượng các công trình cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác khoáng sản.
- b) Nội dung của Đề án bổ sung gồm:
- Thông tin chung về dự án khai thác khoáng sản và căn cứ pháp lý xây dựng Đề án bổ sung;

- Mô tả và so sánh thực trạng khai thác khoáng sản; điều kiện tự nhiên, địa hình, địa mạo và hiện trạng môi trường, hệ sinh thái tại thời điểm lập Đề án bổ sung; so sánh thực trạng cảnh quan thiên nhiên, môi trường và hệ sinh thái với điều kiện tự nhiên, môi trường và hệ sinh thái khi chưa bắt đầu khai thác;
- Xây dựng và lựa chọn phương án cải tạo, phục hồi môi trường;
- Xây dựng, lập danh mục và tính toán khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung;
- Xây dựng kế hoạch thực hiện và chương trình giám sát trong thời gian cải tạo, phục hồi môi trường; chương trình kiểm tra, xác nhận hoàn thành công tác cải tạo, phục hồi môi trường;
- Kế hoạch duy tu bảo trì các công trình cải tạo, phục hồi môi trường;
- Khoản tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ;
- Dự tính kinh phí đủ để tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường tại thời điểm thực hiện từng hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã lựa chọn;
- Cam kết các chỉ tiêu về chất lượng môi trường, hệ sinh thái và chất lượng các công trình cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác khoáng sản.

Điều 6. Tổ chức thẩm định, phê duyệt Đề án hoặc Đề án bổ sung

1. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt Đề án quy định như sau:

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt Đề án của các dự án khai thác khoáng sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là Nghị định số 29/2011/NĐ-CP).

b) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức thẩm định, phê duyệt Đề án đối với các dự án quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định, phê duyệt Đề án của các dự án khai thác khoáng sản quy định tại điểm d khoản 2 của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP.

d) Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định Đề án của các dự án khai thác khoáng sản trên địa bàn, trừ các dự án quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c khoản này.

2. Cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt Đề án bổ sung là cơ quan thẩm định, phê duyệt Đề án.

3. Việc thẩm định Đề án hoặc Đề án bổ sung được thực hiện thông qua hội đồng thẩm định. Hội đồng thẩm định có chức năng, nhiệm vụ giúp cơ quan có thẩm quyền phê duyệt xem xét tính đúng đắn, hợp lệ về cơ sở pháp lý, phương án cải tạo, phục hồi môi trường, khoản tiền ký quỹ trong Đề án hoặc Đề án bổ sung.